TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HS-ST
Ngày 27.01.2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Quang** và bà **Huỳnh Thị Lệ .**

Thư ký Toà án: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân Khu Vực 4, Tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HS ngày 8 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Công T;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10 tháng 5 năm 2000 tại: Đà Nẵng; ; Nơi thường trú và chỗ ở: Khu N, X. Đ, TP .; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn T1 và mẹ: Huỳnh Thị H; Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- ***Bị hại***: **Võ Đức A** - Sinh năm: 2003; Địa chỉ: xã T, TP .. (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Công ty TNHH K; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số G đường T, P. L, TP .. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian thuê trọ tại địa chỉ số G đường M, P. H, TP . thì Nguyễn Công T có quen biết với anh Võ Đức A (Sinh năm: 2003; TT xã T, TP .). Khi sang phòng trọ anh A chơi, T thấy anh A để 05 (năm) hộp nhựa nhỏ màu cam trong tủ vải quần áo. N1 nghĩ trong các hộp này có vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Vào tối ngày 01/8/2025, Trực quan S thấy anh A không có ở phòng trọ nên dùng chìa khóa phòng mình để mở khóa cửa phòng anh A thì mở được. Vì lo sợ nên T không lấy tài sản mà khóa cửa lại rồi quay về phòng. Đến rạng sáng ngày 02/8/2025, T dùng chìa khóa mở cửa vào phòng anh A, đến vị trí tủ vải và mở một hộp nhựa màu cam. Trực thấy bên trong hộp có 01 (một) nhẫn vàng nên lấy nhẫn vàng bỏ vào túi quần. Sau khi trộm cắp, T đến tiệm V *(địa chỉ: Số G đường T, P. L, TP .)* bán, nhân viên tiệm V1 thì đây là loại vàng 98% có trọng lượng 02 chỉ, mua với giá 21.000.000 đồng.

Vào rạng sáng ngày 11/8/2025, với thủ đoạn tương tự, T mở được cửa vào phòng anh A và đến vị trí tủ vải để tiếp tục lấy trộm vàng nhưng không thấy mà phát hiện 01 (một) ba lô màu xanh để trong tủ vải nên lục lọi và lấy một hộp nhựa màu cam, bên trong hộp nhựa có 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ. Trực sắp xếp lại hiện trạng rồi khóa cửa đi về. Sau khi trộm cắp, T đến tiệm V bán nhẫn vàng với giá 10.000.000 đồng. Số tiền có được, T tiêu xài cá nhân hết.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 (Một) đĩa DVD, lưu trữ 01 đoạn video có tên "Video", dung lượng 22.5MB.

*** Kết luận định giá tài sản**: Số 03/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường H, kết luận:

- 01 (Một) nhẫn đeo tay bằng vàng 9999, cân nặng 01 chỉ, trị giá là: 10.150.000 đồng.

- 01 (Một) nhẫn đeo tay bằng vàng 98, cân nặng 02 chỉ, trị giá là: 19.460.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 29.610.000 đồng.

*** Về dân sự**: Quá trình điều tra, Nguyễn Công T đã bồi thường cho anh Võ Đức A số tiền 45.200.000 đồng. Anh A nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu ực 4, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Nguyễn Công T** về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** mức án từ **09 tháng đến 12 tháng tù.**

- Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thấy hành vi của mình sai trái ăn năn hối cải, xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để có cơ hội cải tạo thành con người tốt về với gia đình.

- Người bị hại : Không có yêu cầu gì về dân sự, về hình phạt xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai :

Vào lúc rạng sáng ngày 02/8/2025, tại dãy trọ địa chỉ số G đường M, P. H, TP .; Nguyễn Công T đã trộm cắp của anh Võ Đức A 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng 98% có trọng lượng 02 chỉ, trị giá 19.460.000 đồng. Tiếp đó, vào lúc rạng sáng ngày 11/8/2025, Nguyễn Công T đã trộm cắp của anh Võ Đức A 01 (một) nhẫn vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ, trị giá 10.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Công T đã chiếm đoạt là: 29.610.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được. Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tp Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Về mặt khách thể bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể bị cáo đã có hành vi lén lút mở tủ trộm cắp 02 lần, lấy 02 chiếc nhẫn trị giá 29.610.000 đồng.

Mặc dù giữa khu vực dân cư mà bị cáo không hề sợ bị phát hiện, hành vi của bị cáo đã thể hiện sự liều lĩnh, là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị

cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thể hiện ý thức coi thường pháp luật; Vì vậy cần xử lý nghiêm, răn đe để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng : Bị cáo 02 lần lấy tài sản của anh A cho nên bị cáo phải chịu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại và bị hại xin gảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; Gia đình bị cáo có công cách mạng; Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; Ngoài ra bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để răn đe cho bị cáo trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt tù là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Không .

[7] Đối với những vấn đề khác: Đối với tiệm V - V N đã mua vàng của T nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không đề cập xử lý là có cơ sở nên HĐXX không đề cập xử lý.

[8]. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Công T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công T** 09 (chín) tháng tù**.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.Tiếp tục quy trữ 02 đĩa CD tại hồ sơ vụ án.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Công T** phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS Khu vực 4 tp Đà Nẵng ;
- Cơ quan CSĐT - CATP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đức Hoàng